

TỰ DO HÓA TÀI CHÍNH XU THẾ VÀ GIẢI PHÁP CHÍNH SÁCH CHO VIỆT NAM

TS. NGUYỄN ĐẠI LAI

“Không thể có cái gọi là tài chính tự do hoàn toàn ở bất kỳ quốc gia hay tổ chức kinh tế quốc tế nào. Sự khác nhau nếu có, chỉ là ở qui mô, mức độ hoặc trình độ kiểm soát, giám sát tài chính mà thôi.”



I. CÁCH TIẾP CẬN

Trước hết cần thống nhất cách hiểu tài chính là gì: Theo quan điểm khoa học đương đại – Tài chính là các quan hệ lợi ích kinh tế giữa các chủ thể khác nhau được biểu hiện bằng tiền.

Cụ thể hơn:

- Bản chất của tài chính là “quan hệ lợi ích kinh tế”.
- Phương thức quan hệ thông qua các hoạt động cụ thể như: Tham gia đầu tư, sản xuất, phân phối theo các quan hệ tỷ lệ hoặc khuôn khổ giới hạn nhất định.
- Nội dung quan hệ lợi ích là: Giá cả, doanh thu, lợi nhuận, lợi tức, thuế...
- Hình thức biểu hiện lợi ích được đo bằng tiền dưới nhiều loại phương tiện khác nhau như: tiền mặt, tiền trên tài khoản, tiền điện tử, các loại giấy có giá...

Từ các tiếp cận nói trên, hiểu thế nào về “tự do hóa” tài chính? Hay nói khác đi: trong toàn bộ nội hàm của phạm trù “tài chính”

hiện nay ở Việt Nam, những gì cần “hóa” từ chưa tự do, hoặc từ tự do ít sang các mức độ tự do khác nhau? Lộ trình nào cho những vấn đề của tài chính có mức độ rủi ro khác nhau trong tiến trình tìm cho những cái đang còn bị trói một con đường ngày càng được tự do nhiều hơn?

Có thể nói ngay rằng cụm từ “tự do tài chính” bao giờ cũng được đặt trong một quan hệ tỷ lệ hay khuôn khổ giới hạn nhất định theo những điều kiện về không gian, thời gian của một nền kinh tế nhất định. Do vậy, các mức độ tự do tài chính xét trong những điều kiện kinh tế, không gian, thời gian khác nhau là không giống nhau. Tuy nhiên, với các lĩnh vực khác nhau, ở các bộ phận khác nhau của thị trường tài chính thì luôn có những nhóm quan hệ lợi ích được đặt trong những thứ bậc khác nhau về mức độ tự do. Các mức độ tự do luôn có xu hướng bị ràng buộc dần (về giá, về lượng, về chủng loại sản phẩm, về loại Định chế tham gia cung ứng sản phẩm và về quyền sở hữu Công ty hay Định chế tài chính) theo qui luật

về giới hạn giảm dần của lợi ích trong quá trình chia sẻ lợi ích, hay còn gọi là qui luật va đập hoặc xung đột lợi ích mạnh dần và rủi ro tăng dần - Các quan hệ kinh tế nào càng kỳ vọng có lợi ích cao hơn hoặc ở những qui mô lớn hơn thì rủi ro cũng sẽ cao hơn cho một trong 2 bên hoặc cho nền kinh tế và do đó, mức độ ràng buộc thông thường càng phải chặt chẽ hơn. Chỉ có trình độ quản trị, kiểm soát, tính minh bạch của Pháp luật và công nghệ càng cao mới có điều kiện để càng nới lỏng các ràng buộc tạo điều kiện cho tổng lợi ích thu được là lớn hơn các rủi ro có thể phát sinh trong các quá trình nới lỏng đó. Có thể tạm phân loại các mức độ “tự do” từ cao xuống thấp bao gồm các thang bậc ràng buộc sau đây: Tự nguyện=>thỏa ước=>thỏa thuận=>cung cầu=>pháp lý.

Từ cách tiếp cận nói trên, xét các mối quan hệ lợi ích nói chung và trên thị trường tài chính nói riêng dù bao gồm các quan hệ, các nhân tố đan xen vô cùng phức tạp, chúng ta vẫn có thể “phân tổ” thành những thang bậc khác nhau

cho những nhóm quan hệ lợi ích theo những đẳng cấp khác nhau mà giữa các nền kinh tế thị trường khác nhau chỉ khác nhau về qui mô và hình thức biểu hiện. Có thể đưa ra những ví dụ minh họa đơn giản dưới đây:

■ Người có tiền luôn có quyền tự mình tìm nơi sử dụng hoặc đầu tư vào nơi có lợi nhất như: trực tiếp chuyển vào sản xuất, phân phối, lưu thông, tiêu dùng hay gián tiếp đầu tư vào nhà băng, vào thị trường chứng khoán (TTCK)...Đó là “tài chính” tự do ở cấp độ tự nguyện – mang lại lợi ích có tính cục bộ, cá nhân, đơn vị song rất có thể gây tác hại nhiều hơn cho qui mô nền kinh tế nếu các cá nhân, đơn vị không tuân thủ “luật chơi” chung.

■ Người, hay tổ chức tham gia vào các quan hệ buôn bán xuất – nhập khẩu qua biên giới, hoặc tham gia mạng thanh toán quốc tế, có quan hệ thanh toán tuân theo các nguyên tắc giao dịch trên tài khoản vãng lai cho phép chuyển đổi tự do ngay cả khi không có sự đồng nhất về đồng tiền giữa các bên tham gia. Đó là “tài chính” tự do ở cấp độ thỏa ước – Tự do hóa tài khoản vãng lai chủ yếu phản ánh mức độ tự do hóa quan hệ tỷ giá hoặc quan hệ về qui ước chọn đồng tiền thanh toán thứ 3 trên tài khoản và hoặc trao đổi mậu dịch, phi mậu dịch vùng biên giới giữa các quốc gia theo thỏa ước.

■ Cá nhân hay tổ chức xúc tiến đầu tư trực tiếp, đầu tư gián tiếp vào hay ra từ một nước đến một nước hay tổ chức quốc tế khác bao giờ cũng phải tuân thủ các ràng buộc thông qua một Hiệp định khung và các ràng buộc trong đàm phán mà hai bên cùng tìm thấy lợi ích trước, trong và tương lai của quá trình thực hiện đầu tư... Đó là “tài chính” tự do ở cấp độ thỏa thuận. Các qui tắc của WTO hay của khối kinh tế chung hoặc của các Hiệp Định song phương là những ví dụ cho tài chính tự do ở cấp độ thỏa thuận.

■ Trên thị trường tài chính,

hầu hết các giao dịch về số lượng và giá cả như lãi suất, lợi tức, tỷ giá, phí,...đều được hình thành bằng cơ chế thị trường, chịu sự tác động trực tiếp của các qui luật thị trường. Đó là “tài chính” tự do ở cấp độ cung-cầu – Rộng nhất, phức tạp nhất và rủi ro cũng cao nhất.

Trong tất cả các cấp độ tự do nói trên đều phải chịu sự ràng buộc ở mức độ khác nhau theo cơ chế và Pháp luật quốc gia và quốc tế, đặc biệt là Luật khuyến khích cạnh tranh hay Luật chống độc quyền để can thiệp vào sự “quá khích” về quyền “tự do” của các bên quan hệ lợi ích ở mọi cấp độ tự do (nhất là ở cấp độ tự do cung – cầu). Đó là “tài chính” tự do ở cấp độ pháp lý. Trình độ quản trị, công nghệ và tính chất thị trường ở nền kinh tế nào càng thấp thì sự can thiệp của pháp luật phải càng cao. Nghĩa là mức độ tự do tài chính càng thấp. Đó cũng là biểu hiện của qui luật về sự giới hạn của quá trình “tái phân phối lợi ích”.

Như vậy, “tự do hóa” tài chính là quá trình nối lỏng những hạn chế về các quyền tham gia thị trường cho các bên kiếm tìm lợi ích trong phạm vi kiểm soát được của Pháp Luật. Cùng với Pháp Luật, cần và phải có các công cụ kiểm soát, giám sát khả thi thích ứng để thúc đẩy nền kinh tế nói chung, các chủ thể kinh tế nói riêng ngày càng phát triển một cách vững chắc và minh bạch. Điều đó cũng có nghĩa: không thể có cái gọi là **tài chính tự do hoàn toàn** ở bất kỳ quốc gia hay tổ chức kinh tế quốc tế nào. Sự khác nhau nếu có, chỉ là ở qui mô, mức độ hoặc trình độ kiểm soát, giám sát tài chính mà thôi. Tự do hóa tài chính chia theo chiều ngang: có tự do hóa tài chính trong nước và tự do hóa tài chính giữa một quốc gia với phần còn lại của thế giới; Chia theo chiều dọc, thì tự do hóa tài chính chủ yếu hàm ý tự do hóa trên thị trường tiền tệ và tự do hóa trên thị trường vốn.

II. THỰC TRẠNG, XU THẾ VÀ GIẢI PHÁP CHÍNH SÁCH CHO VẤN ĐỀ TỰ DO HÓA TÀI CHÍNH Ở VIỆT NAM.

● Trước hết bằng cách “chia” theo chiều dọc: Thị trường tài chính (TTTC) Việt Nam (VN) gồm thị trường tiền tệ và thị trường vốn. Thị trường này đã trải qua một quá trình tự do hóa dần dần từ những năm cuối thập kỷ 90 của thế kỷ 20 khi ngành ngân hàng chuyển sang mô hình 2 cấp và hoạt động theo cơ chế thị trường. Quá trình đó biểu hiện qua các động thái nối lỏng quan hệ lãi suất từ áp đặt sang “trần-sàn”, đến khống chế trần và cuối cùng là thỏa thuận; Là quá trình thay đổi từ tỷ giá cố định, sang tỷ giá cố định có điều chỉnh,... đến công bố tỷ giá theo mức hình thành cuối ngày trên thị trường; Là quá trình từ “phân phối” tín dụng cho một số ít đối tượng khách hàng đến tín dụng không phân biệt thành phần kinh tế, từ tín dụng đan xen đến tín dụng tách bạch chính sách với thị trường; Là quá trình từ Nhà nước độc quyền mở ngân hàng đến ngân hàng của mọi thành phần kinh tế, kể cả nhân tố nước ngoài; Là quá trình ngành ngân hàng độc quyền cung ứng dịch vụ tín dụng, thanh toán... đến một TTTC đa ngành cùng tham gia cung ứng vốn và dịch vụ ngân hàng cho nền kinh tế v.v. Trên thực tế, chưa bao giờ TTTC VN sôi động như giai đoạn từ tháng 5/2006 đến hết tháng 2/2007 – Trong đó, tâm điểm là TTCK với mức “tự do” hầu như ở đỉnh cao nhất – Người có tiền, công ty có “hàng” – Chủ yếu là hàng cổ phiếu cả ở thị trường có tổ chức lẫn thị trường phi tập trung (OTC) đã “đồng loạt” tăng nhiệt độ cho thị trường! Dưới hình thức “tăng vốn điều lệ”, cùng với một tiềm năng “cầu” khá lớn (so với tổng số hàng hóa còn khan hiếm ban đầu), TTCK VN đã tạo điều kiện “vàng” cho nhiều công ty, doanh nghiệp, ngân hàng cổ phần gần như “tay không bắt giặc” từ các nguồn lực trong xã hội để nâng chênh lệch vốn thực lên nhiều lần. Lẽ ra, đây

phải là tín hiệu đáng mừng và là thiên chức số 1 của TTCK. Để ý rằng trong một Hội thảo khoa học về phát triển TTTC VN hồi cuối năm 2005, nhiều diễn giả và đại biểu tham dự đã lạc quan dự báo tổng doanh số trên TTCK sơ cấp vào cuối năm 2006 “có thể lên tới 10-12% GDP”, nhưng đến cuối 2006 con số thực tế đã lớn gấp hơn 3 lần con số dự báo lạc quan đó. Tuy nhiên, do “thành tựu” này đã diễn ra trong một thời gian cực ngắn, mỗi lần “đóng thầu” tăng vốn ở thị trường sơ cấp là mỗi lần công ty phát hành “cầm chắc” một lượng giá trị phát hành chứng khoán vốn giá cao (so với mệnh giá), vô danh, vô thời hạn,... bỏ lại cho thị trường thứ cấp những cuộc “chạy tiếp sức” với nhiều phen tăng nhiệt đến khó tin, bất chấp đích thực công ty phát hành sơ cấp yếu hay khỏe, lợi nhuận thấp hay cao, tương lai tối hay sáng, thì hiện tượng trên đáng phải báo động hơn là đáng mừng. Thậm chí có cả loại công ty “chưa kịp cất tiếng khóc chào đời” cũng “bán hàng sơ cấp gọi vốn” trên thị trường OTC! Chỉ số chứng khoán VN- Index từ tháng 5/2006 đến 2/2007 đi lên gần như “một mạch” từ dưới 350 lên trên 1.200! Đến tháng 3/2007 may mà, TTCK bắt đầu “tĩnh ngộ”, tự điều chỉnh lại làm nhiệt độ cổ phiếu chuyên nhiệt dần cho các thị trường khác như: bất động sản và vàng. Tuy vậy, hầu như chỉ có “người chạy tiếp sức” trên thị trường thứ cấp mới “gặp tai nạn”, còn công ty phát hành “xong sơ cấp” là coi như “xong”! Họ hoàn toàn tươi cười, ngậm gỏi lời “cám ơn” đến các “nhà” góp vốn đầu tư để tăng giá trị cổ phiếu ở thị trường sơ cấp! Điều đó hoàn toàn bình thường vì chỉ có vốn đưa vào thị trường sơ cấp mới tạo ra vốn đầu tư cho sản xuất, còn vốn chạy lòng vòng trên thị trường thứ cấp chỉ là quá trình “cơ cấu lại” cấu trúc các nhà sở hữu và vốn chỉ chạy từ túi người này sang túi phi sản xuất của người khác, mặc dù chính thị trường thứ cấp mới là “nhựa sống” cho thị trường sơ cấp và là dung môi để duy trì tính

lỏng của chứng khoán. Tuy nhiên, nếu các nhà quản lý Nhà nước về TTCK không tỏ thái độ chính sách về minh bạch và cập nhật kiến thức rộng rãi cho cộng đồng thì rất có thể đến giai đoạn tiếp theo – Sau một khoảng thời gian “chờ” các hàng hóa “chất lượng cao” từ các đại gia Ngân hàng Thương mại Nhà nước (NHTMNN), doanh nghiệp Nhà nước (DNNN) lớn cổ phần hóa (CPH) sẽ lặp lại diễn biến như giai đoạn bùng phát nhiệt độ trước đây. Thậm chí ngay cả những nhân viên, công chức của các DNNN hay NHTMNN CPH được quyền mua theo qui chế với giá = 60% giá “đóng thầu” tại thị trường sơ cấp cũng lo sợ bị “xã hội” lôi lên mức giá rất cao để sau đó ít còn nhà đầu tư nào dám “chạy tiếp sức” nữa. Phần chênh lệch giá ở thị trường sơ cấp thì thuộc về chủ sở hữu cũ (là Nhà nước). Sau đó nếu “nhiệt độ” trên thị trường thứ cấp lại nguội dần và không ngoại trừ “nguội” hơn cả giá đóng thầu tại thị trường sơ cấp thì chính những “nhân viên, công chức” mua cổ phần trước đó sẽ bị thiệt thòi cùng với sự thiệt thòi chung của những cá nhân, tổ chức “chạy tiếp sức” ở thị trường thứ cấp!

Trong những lúc nóng, lạnh khác nhau của TTCK thì thị trường tiền tệ, tín dụng và các thị trường đầu tư khác ra sao? ở VN trong suốt thời gian bùng phát nhiệt độ tại TTCK đã có ít nhất 3 nguyên nhân để giải thích và cũng là 3 tâm điểm gợi ý chính sách quản lý TTTC nói chung. Đó là i) Do giá trị xuất phát của công ty phát hành tại thị trường sơ cấp bị định giá quá thấp dưới giá trị thực - Điều này làm phương hại đến tài sản của chủ sở hữu công ty (chủ yếu là Nhà nước thiệt); ii) Quan hệ cung - cầu mất cân đối lớn: hàng vừa rẻ, vừa ít, trong khi “cầu” vừa nhiều, vừa đang khó tìm nơi đầu tư có lợi; iii) Hiệu ứng đám đông – Các nhà đầu tư trên cả thị trường sơ cấp và nhất là trên thị trường thứ cấp đua nhau mua một cách phi chuyên nghiệp. ở những trung tâm kinh tế lớn, “người người chứng khoán,

nhà nhà chứng khoán” và ra sức “đánh bóng” không công cho công ty phát hành, bất luận công ty đó “sức khoẻ” thực hư ra sao – Hiệu ứng đám đông mạnh đến mức mà “người ta” dám mua ngay cả khi giá cổ phiếu bình quân đã tăng lên tới hơn 15 lần chỉ trong vòng chưa đầy nửa năm “sản xuất và phát triển” của công ty phát hành! Từ hiện tượng trên, “vốn” từ các “kênh khác” dưới nhiều hình thức chắc chắn đã “chảy” vào dòng sông cổ phiếu trên thị trường lúc đầu là sơ cấp và sau đó đặc biệt là trên thị trường thứ cấp! Hình như “tiền dễ trực tiếp ra tiền”! Nếu vậy thì dân ta cần phải hô: “tiền ở VN muôn năm”! Sự tự điều chỉnh gần đây của TTCK đã thức tỉnh giấc ảo mộng vàng của nhiều nhà đầu tư. Với sự thức tỉnh này, chắc chắn những vòng chu kỳ biến thiên giá tiếp theo trên TTCK VN sẽ từng bước phản ánh đúng qui luật hơn – Thị trường hàng hóa và dịch vụ chứ không phải tự TTCK điều chỉnh giá của TTCK.

Các dòng chảy của vốn từ nơi lợi ích thấp tới nơi có lợi ích cao cũng là lẽ tự nhiên. Theo đó, chắc chắn việc huy động vốn của các NHTM sẽ khó khăn hơn nhiều so với việc cho vay ra. Vấn đề là “tăng” dư nợ vào đâu? Câu trả lời chắc chắn nhất chỉ có người vay mới rõ. Tuy nhiên không thể nghi ngờ gì việc vốn đi vay sẽ chảy vào nơi kỳ vọng tạo nhiều lợi ích nhất và sau đó là vào các dự án khả khi, bao gồm cả dự án tốt của công ty phát hành chứng khoán sơ cấp. Rõ ràng là thị trường tiền tệ, tín dụng và thị trường chứng khoán có những dòng chảy qua lại với nhau. Đây cũng là qui luật và là “vẻ đẹp” về sự giao thoa giữa thị trường tiền tệ và thị trường vốn. Tuy nhiên, nếu để các dòng chảy này tự phát phát triển thì nguy cơ của một cuộc khủng hoảng tài chính “để thị trường tự điều chỉnh theo cách của bàn tay vô hình” là không thể đảm bảo chắc chắn là không xảy ra!

● Chia thực trạng vấn đề tự do tài chính theo chiều ngang: Từ sau khi có Luật đầu tư nước ngoài

tại VN lần đầu tiên năm 1988 đến nay, về cơ bản VN là một nước “nhập khẩu tư bản” nước ngoài dưới hình thức đầu tư trực tiếp là chủ yếu. Đến Đại hội IX của Đảng năm 2001 đã coi “khu vực có vốn đầu tư nước ngoài” là một trong 6 thành phần kinh tế chính thức của VN. Tốc độ đầu tư vào tuy không đều qua các năm, nhưng đã hình thành một xu hướng tăng liên tục. Đặc biệt là từ đầu năm 2007 đến nay sau khi VN trở thành thành viên WTO thì tốc độ gia tăng đầu tư nước ngoài vào VN đã rất mạnh trở lại so với những năm cuối thập niên 90 của thế kỷ trước và ở qui mô cao hơn. Tổng vốn lũy kế đầu tư trực tiếp vào VN đã lên đến trên 50 tỷ USD – Trong đó, chỉ riêng lượng vốn đổ vào trong vòng 1 năm qua đã chiếm tới 40%. Bình quân 10 năm lại đây, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đã: Tạo ra trên 25% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng năm; Sử dụng gần 10% lao động công nghiệp; Tham gia hơn 20% tổng đầu tư toàn xã hội bình quân/năm. Đã trực tiếp góp phần làm cho nền kinh tế VN tiếp cận với công nghệ và trình độ quản lý hiện đại của kinh tế thế giới. Tuy nhiên, qua những diễn biến “nóng, lạnh” trên TTCK thời gian qua cũng đã cảnh báo cần phải có những giải pháp thận trọng trong quá trình từ tự do hóa tài khoản vãng lai đến tự do hóa tài khoản vốn.

Những động thái đầu tư gián tiếp nước ngoài vào VN cũng đã bắt đầu hình thành và đang trở thành một “làn sóng” đầu tư thứ 3 từ nước ngoài (sau FDI, ODA) được khởi xướng chính thức từ khoản “vay” 750 triệu tổng giá trị trái phiếu Chính phủ năm 2006 và dòng vốn đầu tư vào TTCK VN từ giữa năm 2006 đến nay liên tục gia tăng, ước khoảng hơn 1 tỷ USD.

Giới hạn về tỷ trọng nắm giữ vốn sở hữu cổ phần trong các công ty tài chính ngân hàng cổ phần và CPH thuộc lĩnh vực ngân hàng đã tăng từ 10% lên “trần” 30% theo Nghị định mới nhất - ND số 69/2007/NĐ-CP ngày 20/4/2007

của Chính phủ về việc “nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của NHTM VN”.

Lộ trình nới lỏng các hạn chế về qui mô và lĩnh vực hoạt động của các Định chế nước ngoài tại khu vực tài chính – ngân hàng ở VN theo cam kết WTO cũng đã vạch rõ xu hướng cho các “dòng” chảy vốn theo chiều ngang giữa VN với phần còn lại của thế giới:

- Tích cực áp dụng các thông lệ và chuẩn mực quốc tế trong hoạt động NHTM - Đặc biệt là chuẩn mực về kế toán, kiểm toán, qui chế quan hệ bắt buộc giữa các Ngân hàng trung gian với Ngân hàng trung ương(NHTW) về tái cấp vốn, thị trường mở, thanh toán quốc gia và các chuẩn mực về thanh tra - giám sát ngân hàng;

- Mở cửa thị trường ngân hàng, nới lỏng dần theo lộ trình các hạn chế về quyền tiếp cận và nội dung hoạt động của chi nhánh cũng như ngân hàng 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam bắt đầu được xem xét cho thành lập từ 1/4/2007;

- Xóa bỏ dần, tiến tới xoá bỏ tối đa các giới hạn đối với các ngân hàng nước ngoài về số lượng đơn vị; hình thức pháp nhân; tỷ lệ góp vốn của bên nước ngoài (tại ND 69 đã dẫn, ngoài tỷ lệ “trần” ghi ở điều 4, nhà đầu tư nước ngoài còn được “mua lại” cổ phần của nhà đầu tư trong nước theo điều 8.3); tổng giao dịch nghiệp vụ ngân hàng; mức huy động vốn VND; loại sản phẩm, loại dịch vụ ngân hàng trên lãnh thổ VN.

- Xây dựng khuôn khổ pháp lý hoàn chỉnh và phù hợp với luật lệ quốc tế để tạo sân chơi bình đẳng cho các NHTM trên lãnh thổ VN cùng phát triển và cạnh tranh lành mạnh...

Về “đầu tư ra nước ngoài”: Cho đến nay, việc “đầu tư” ra nước ngoài của VN đã khá đa dạng dưới các hình thức: Liên doanh khai thác dầu khí ở nước ngoài (hiện có 4 liên doanh); ngân hàng liên doanh với nước ngoài hoạt động ở

cả “2 đầu” (có 5 NH liên doanh); Một số dự án từ nguồn ODA và FDI của VN dành cho một số nước láng giềng trong lĩnh vực xây dựng cầu, đường; Mở tài khoản tiền gửi ở nước ngoài; Việc áp dụng các hình thức tín dụng thương mại khi xuất khẩu hàng hóa ra nước ngoài... Tất cả các hình thức trên còn rất khiêm tốn cả về doanh số và không gian hoạt động. Thực ra, thuật ngữ “mở cửa” và “tự do hóa tài chính” ở VN hiện nay chủ yếu là “trải thảm đỏ” để đón vốn vào hơn ra đầu tư ra - Điều này cũng phản ánh đúng thực trạng của một nền kinh tế đang phát triển ở giai đoạn đầu như VN.

Về xu hướng tự do hóa tài chính trong nước: Chắc chắn sẽ phải vận động theo sức hút của tiến trình tự do hóa tài chính không biên giới của thế giới trong kỷ nguyên WTO. Các xu hướng rõ nhất có thể nhìn thấy và dự báo bao gồm: Nới rộng các giới hạn về: Quyền của các thành phần tham gia cung ứng dịch vụ ngân hàng, tỷ lệ sở hữu cổ phần thông qua việc mua cổ phần và các thương vụ mua, bán, sáp nhập; tỷ lệ chuyển tiền; điều kiện tham gia mạng thanh toán quốc tế; sự hình thành các khu vực đồng tiền chung; các giới hạn về biên độ tỷ giá; các hình thức thanh toán qua biên giới...

Từ các xu hướng đã và đang phát triển nói trên, giải pháp để thúc đẩy tự do hóa tài chính đối với VN lúc này, cần bao gồm đồng loạt các hình thức và hành động sau đây:

- Phải chủ động tự do hóa tài chính trên cơ sở: Minh bạch hóa mối quan hệ giữa chính sách tiền tệ(CSTT) và chính sách tài khóa (CSTK), làm cho cả 2 chính sách này ngày càng lành mạnh bằng cách trao nhiều quyền lực cho NHTW trong việc hoạch định và thực thi CSTT, NHTW phải đủ sức và đủ công cụ để bảo đảm ổn định sức mua đồng tiền VN; Đủ sức kiểm soát và làm chủ các nghiệp vụ chính của NHTW như:

Điều hành thị trường tiền tệ; Điều hành và kiểm soát toàn bộ hệ thống thanh toán quốc gia; Đảm bảo trên đất VN chỉ tiêu tiền VN và nhanh chóng thực hiện lộ trình tự do chuyển đổi cho đồng tiền VN; Đổi mới cơ chế và quyền lực trong hoạt động thanh tra – giám sát hoạt động ngân hàng của mọi loại Định chế tài chính (ngay cả khi có Ủy ban Giám sát tài chính ngoài NHTW);

● Mọi hoạt động có tính chất đầu tư của khu vực tài chính công phải thực hiện thống nhất theo cơ chế thị trường, đều phải bị điều chỉnh thống nhất bởi Luật chuyên ngành về ngân hàng; Hạn chế dần và có kỷ cương minh bạch, công khai về các hoạt động tín dụng chính sách ưu đãi đối với khu vực thuộc đối tượng chính sách ưu đãi của Nhà nước; Thống nhất một mạng thanh toán quốc gia đối với mọi pháp nhân có quan hệ thanh toán với ngân hàng, kể cả khu vực NSNN và khu vực tài chính Nhà nước ngoài NSNN.

● Đào tạo và từng bước phổ cập kiến thức phổ thông về cung ứng và “mua” các dịch vụ tiện ích từ ngân hàng. Mở rộng việc chuyển quan hệ tín dụng trực tiếp giữa cá nhân với ngân hàng sang quan hệ tín dụng gián tiếp thông qua các công ty, nhà máy chế biến, tập đoàn công nghiệp, tập đoàn thương mại...

Tóm lại: “tự do hóa” tài chính là quá trình nới lỏng những hạn chế về các quyền tham gia, cũng như tiếp cận dịch vụ trên TTTC cho các bên kiếm tìm lợi ích trong phạm vi kiểm soát được của pháp luật. Tự do hóa tài chính do đó trước hết luôn gắn chặt với năng lực minh bạch và khả năng kiểm soát lưu thông tiền tệ, khả năng thanh tra giám sát các dòng chu chuyển vốn trong nền kinh tế cũng như chu chuyển vốn giữa trong nước với nước ngoài của NHTW để thúc đẩy nền kinh tế nói chung, các chủ thể kinh tế nói riêng ngày càng phát triển một cách vững chắc. Điều đó cũng có nghĩa: không

thể có cái gọi là **tài chính tự do hoàn toàn** ở bất kỳ quốc gia hay tổ chức kinh tế quốc tế nào. Mức độ tự do hoàn toàn phụ thuộc vào năng lực quản trị, công nghệ, kiểm soát rủi ro và tính minh bạch trong các quan hệ theo Luật pháp liên quan ở trong nước và thông lệ quốc tế từng thời kỳ phát triển. Mặt khác, tự do hóa tài chính cũng là một xu thế khách quan không thể ngăn ngại “ngồi chờ” sự hoàn thiện năng lực và môi trường Luật pháp của từng quốc gia thành viên WTO, vì vậy nhất thiết VN phải chủ động và tích cực tiếp cận với tự do hóa tài chính bằng một thái độ kiên quyết và cẩn trọng cần thiết nhất có thể được ■

TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP.HCM

CHẤT LƯỢNG - UY TÍN - TẬN TÂM - KINH NGHIỆM
GIÁO TRÌNH VÀ TRANG THIẾT BỊ HIỆN ĐẠI
Có GIẢNG VIÊN NGƯỜI BẢN NGỮ THAM GIA GIẢNG DẠY

CHƯƠNG TRÌNH HỌC ĐA DẠNG

Tiếng Anh chuyên ngành kinh tế - tài chính - ngân hàng giúp học viên làm việc hiệu quả trong các ngân hàng, công ty - giao tiếp, trao đổi thư từ, thương lượng và ký kết hợp đồng với các đối tác nước ngoài. Kết thúc khóa học, học viên được trường Đại học Ngân hàng cấp chứng chỉ tiếng Anh chuyên ngành kinh tế - tài chính- ngân hàng **trình độ C**.

Tiếng Anh chuyên về xuất nhập khẩu & thanh toán quốc tế giúp học viên có khả năng làm việc trong lĩnh vực xuất nhập khẩu & thanh toán quốc tế.

Luyện nghe-nói tin của đài CNN, BBC, VOA giúp học viên sử dụng tiếng Anh thông thạo trong đối thoại, thuyết trình khi làm việc với người nước ngoài trong thời đại hội nhập kinh tế.

Tiếng Anh giao tiếp quốc tế - ToEIC Rèn luyện 4 kỹ năng nghe - nói - đọc - viết và củng cố văn phạm, giúp học viên nói tiếng Anh trôi chảy.

Luyện phát âm giúp học viên phát âm chuẩn mực và tự nhiên trong giao tiếp.

Tiếng Anh cho thiếu nhi và thiếu niên Phương pháp giảng dạy tiên tiến, tạo hứng thú học cho trẻ, đảm bảo hiệu quả cao.

Tổ chức thi chứng chỉ tiếng Anh trình độ A, B, C

XIN LIÊN HỆ

Tại Sài Gòn: 36 Tôn Thất Đạm, Q.1 - ĐT: (08) 8 214 055 - DĐ: 0903 872 580

Tại Thủ Đức: 56 Hoàng Diệu 2, Q. Thủ Đức - ĐT: (08) 8 971 649 - Fax: 8 212 850

E.mail: trungtamngoaingudhnh@yahoo.com.vn